

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – HUẾ
THÀNH PHỐ HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 101/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 25 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 04/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quốc C, sinh ngày 24/10/1985; căn cước công dân số: 046085014281, cấp ngày 18/9/2021, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ C2; địa chỉ: Số B đường T, phường T, thành phố H;

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 10/01/1993; căn cước công dân số: 045193002571, cấp ngày 18/9/2021, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ C2; địa chỉ: Số B đường T, phường T, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 6, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quốc C và chị Nguyễn Thị Thu H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quốc C và chị Nguyễn Thị Thu H.

- Về con chung: Anh Nguyễn Quốc C và chị Nguyễn Thị Thu H xác nhận có 02 con chung tên là Nguyễn Quốc C1, sinh ngày 17/9/2013 và Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 01/7/2018. Hiện nay các cháu đều đang ở với anh Nguyễn Quốc C và đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với anh Nguyễn Quốc C. Anh, chị thỏa thuận giao cả 02 cháu Nguyễn Quốc C1 và Nguyễn Quốc Đ cho anh Nguyễn Quốc C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho mỗi cháu mỗi tháng là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu Nguyễn Quốc C1 và Nguyễn Quốc Đ lần lượt trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Quốc C và chị Nguyễn Thị Thu H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Quốc C tự nguyện chịu toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000152 ngày 07 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố H. Anh Nguyễn Quốc C đã nộp đủ án phí, nay không phải nộp.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án Dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 – Huế
- THADS thành phố Huế;
- UBND phường Thuận Hóa (Anh Chí, chị Hằng
ĐKKH số 85/2014, quyền số 01/2014 ngày
11/7/2014 tại UBND phường Phước Vĩnh - cũ)
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án.

THẨM PHÁN

Mai Thị Mộng Trinh